

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DS-ST

Ngày 18 - 4 - 2022

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đô và ông Điều Nhót.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Song;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đạt - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 589/2020/TLST- DS ngày 08 tháng 12 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST - DS ngày 09 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2022/QĐST-DS ngày 30/3/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần X.

Trụ sở: Lầu 8, Tòa nhà V, số 172 đường T, phường B, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng Thương mại cổ phần X: Ông Võ Tấn H, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch D - Chi nhánh Đ là người đại diện theo ủy quyền theo giấy ủy quyền số 102/2021/E/ƯQ-TGD ngày 23/9/2021 của Giám đốc Chi nhánh Đ; có mặt.

Địa chỉ: 114 đường B, phường T, Thành phố B, tỉnh Đắc Lắc.

1.2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 02 tháng 7 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án ông Võ Tấn H người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/3/2018 Ngân hàng Thương mại cổ phần X - Chi nhánh Đ – Phòng giao dịch D, ký hợp đồng tín dụng với anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N số 1207-LAV-201800259 và khế ước nhận nợ số 1207LDS 201800331 với số tiền gốc là 70.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất thỏa thuận 11,56%/ năm, lãi quá hạn 150%/, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn trả lãi 06 tháng/ lần; thời hạn trả nợ gốc đến hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng này anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N trả được 4.079.255 đồng tiền lãi, không trả gốc.

Đối với Hợp đồng tín dụng kiêm thế ước nhận nợ số 1207 –LDS- 201700163 anh

T và chị N vay số tiền gốc là 320.000.000 đồng; thời hạn vay 36 tháng, lãi suất thỏa thuận 0,8334/ tháng, lãi này chỉ áp dụng trong 12 tháng đầu, sau đó lãi suất cho vay được điều chỉnh 01 tháng/ 01 lần bằng lãi suất tiết kiệm 24 tháng (lãi cuối kỳ + 4,5%/ năm, lãi quá hạn 150%/ trên lãi suất cho vay, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn trả lãi 06 tháng / lần. thời hạn trả nợ gốc theo định kỳ như trong hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng này anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N trả được 55.040.000 đồng tiền gốc và trả được một phần lãi là 50.819.938 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên anh T và chị N đã thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của mình để vay vốn tại Hợp đồng thế chấp số 59/2017/E - BMT/HĐTC ngày 28/02/2017, công chứng tại Văn Phòng Công chứng Đ ngày 28/02/2017, số công chứng 519, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD; đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi Nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai Đ, số 923 ngày 28/02/2017.

Tài sản bảo đảm khoản vay trên là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 978041 do UBND huyện Đ cấp ngày 23/3/2016, tại thửa đất số 06; tờ bản đồ số 31, diện tích 16.065,3 m², đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Toàn bộ khoản vay trên đã quá hạn trả nợ, Ngân hàng đã chuyển số nợ này thành nợ quá hạn. Để đảm bảo về nguồn vốn, Ngân hàng Thương mại cổ phần X khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N thanh toán cho Ngân hàng tổng số nợ gốc và lãi tính đến ngày 18/4/2022 là 539.054.341 đồng (trong đó tiền gốc 334.960.000 đồng, tiền lãi trong hạn và quá hạn là 155.411.247 đồng).

Tiền lãi tiếp tục được tính từ ngày 19/4/2022 theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N trả xong nợ.

Trường hợp anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N không trả nợ, trả không đủ nợ thì phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ để Ngân hàng thu hết nợ, thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các nguồn thu, tài sản cá nhân hợp pháp khác của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Bị đơn Nguyễn Văn T: Qua xác minh tại địa phương thì anh T có đăng ký hộ khẩu thường tại thôn 1, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, đi làm ăn xa thỉnh thoảng mới về. Do không tổng đạt được trực tiếp các văn bản tố tụng nên Tòa án tiến hành niêm yết, giao cho chị Nguyễn Thị N để thông báo cho anh T theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh T không chấp hành cũng không cung cấp các thủ tục ủy quyền hay thủ tục xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định, đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Bị đơn chị Nguyễn Thị N trình bày: Lời trình bày trên của người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng về việc vay vốn của vợ chồng chị là đúng, cụ thể: anh T và chị N đã ký các hợp đồng tín dụng số 1207-LAV-201800259, khế ước nhận nợ số 1207LDS 201800331 và Hợp đồng tín dụng kiêm thế ước nhận nợ số 1207 –LDS- 201700163 ngày 01/3/2017, ngoài số tiền như Ngân hàng trình bày về trả gốc và lãi thì hiện nay anh (chị) còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 18/4/2022 là 539.054.341 đồng (trong đó tiền

gốc 334.960.000 đồng, tiền lãi trong hạn và quá hạn là 155.411.247 đồng). Trường hợp anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N không trả được nợ, trả không đủ nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ để Ngân hàng thu hết nợ, thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các nguồn thu, tài sản cá nhân hợp pháp khác của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến khi xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành tốt quá trình quá trình tham gia tố tụng; bị đơn chưa chấp hành quá trình tham gia tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 147, Điều 157, Điều 173, Điều 177, Điều 179; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Áp dụng các Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, 319, Điều 323 Bộ luật dân sự;

Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần X.

Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X tổng số tiền cả gốc và lãi do vi phạm Hợp đồng tín dụng là 539.054.341 đồng (*Năm trăm ba mươi chín triệu, không trăm năm mươi tư nghìn, ba trăm bốn mươi một đồng*); trong đó tiền gốc 334.960.000 đồng, tiền lãi trong hạn và quá hạn là 155.411.247 đồng) thời hạn tính lãi tính đến ngày 18/4/2022.

Về các vấn đề khác đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến khác phục khác: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Ngân hàng Thương mại cổ phần X khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ trả tổng số tiền cả gốc và lãi là 539.054.341 đồng. Hiện nay, anh T và chị N có đăng ký hộ khẩu tại xã N. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2] Về chấp hành pháp luật của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh T không có mặt tại Tòa án làm việc. Chị N chấp hành chưa tốt theo giấy triệu tập, tham gia phiên tòa. Vì vậy, để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp cho chị N, tiến hành niêm yết cho bị đơn theo quy định tại Điều 173, Điều 174,

Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc bị đơn không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 của BLTTDS.

[3] Xét nội dung tranh chấp:

[3.1] Căn cứ các hợp đồng tín dụng số 1207-LAV-201800259, khế ước nhận nợ số 1207LDS 201800331 ngày 29/3/2018 và Hợp đồng tín dụng kiêm thế ước nhận nợ số 1207 –LDS- 201700163 ngày 01/3/2017 thì khoản vay trên của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N đã để quá hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N trả được một phần gốc 55.040.000 đồng và một phần lãi là 54.899.139 đồng; sau đó là vi phạm không tiếp tục thực hiện theo hợp đồng hai bên đã ký kết. Ngân hàng đã thông báo thu hồi nợ nhiều lần nhưng không có kết quả; tính đến ngày xét xử anh T và chị N còn nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần X số tiền gốc là 334.960.000 đồng và tiền lãi của các hợp đồng tính đến ngày xét xử trong hạn và quá hạn là 155.411.247 đồng, do Ngân hàng lập bảng kê tính lãi cung cấp cho Tòa án. Qua đối chiếu kiểm tra dựa trên hợp đồng về lãi suất các bên thỏa thuận thì anh T và chị N còn nợ lãi trong hạn và quá hạn là 155.411.247 đồng, thời hạn tính lãi tính đến ngày 18/4/2022. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng *(có bảng tính lãi cụ thể nộp cho Tòa án đến ngày xét xử)*.

[3.2] Xét Hợp đồng thế chấp số 59/2017/EIB - BMT/HĐTC ngày 28/02/2017 thì anh T và chị N đã dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất để bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã được lập thành văn bản, được đăng ký thế chấp theo quy định. Trường hợp đến hạn mà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Qua xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc thực tế thì tài sản thế chấp trên có diện tích đúng với diện tích anh T và chị N được cấp theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và là tài sản hợp pháp của anh T và chị N đã thế chấp, phù hợp với quy định tại Điều 317, Điều 318, Điều 323 Bộ luật dân sự.

[3.3] Về số tiền lãi chậm trả kể từ ngày 19/4/2022. Theo hướng dẫn tại Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 thì anh T và chị N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng số 1207-LAV-201800259, khế ước nhận nợ số 1207LDS 201800331 ngày 29/3/2018 và Hợp đồng tín dụng kiêm thế ước nhận nợ số 1207 –LDS- 201700163 ngày 01/3/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì anh T và chị N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng như đã thể hiện trong hợp đồng cho đến khi trả xong nợ.

[3.4] Trường hợp sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà anh T và chị N không trả nợ cho Ngân hàng theo quy định thì Ngân hàng Thương mại cổ phần X có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[3.5] Trường hợp tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản hợp pháp khác của anh T và chị N để thi hành án thu hồi nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ theo quy định.

[4] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[5] *Về chi phí tố tụng*: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là 3.000.000 đồng, Ngân hàng Thương mại cổ phần X đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền trên, anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N phải chịu toàn bộ số tiền trên nên cần buộc anh T và chị N phải hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

[6] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với tổng số tiền gốc và lãi là 539.054.341 đồng (*Năm trăm ba mươi chín triệu, không trăm năm mươi tư nghìn, ba trăm bốn mươi một đồng*) = 20.000.000 đồng + (4 % của phần giá trị tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng (là 139.054.341 đồng x 4%) = 5.562.173 đồng. Vậy, án phí phải chịu là 25.562.173 đồng (*Hai mươi lăm triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, một trăm bảy mươi ba đồng*) án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 70, 72, Điều 147, Điều 157, Điều 173, Điều 174, Điều 177, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Áp dụng các Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, 319, 320 Điều 323 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần X

Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X tổng số tiền cả gốc và lãi do vi phạm các Hợp đồng tín dụng là 539.054.341 đồng (*Năm trăm ba mươi chín triệu, không trăm năm mươi tư nghìn, ba trăm bốn mươi một đồng*), trong đó tiền gốc là 334.960.000 đồng (*Ba trăm ba mươi tư triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng*), tiền lãi trong hạn và quá hạn là 155.411.247 đồng (*Một*

trăm năm mươi lăm triệu, bốn trăm mười một nghìn, hai trăm bốn mươi bảy đồng), thời hạn tính lãi tính đến ngày 18/4/2022

Kể từ ngày 19/4/2022, anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo các hợp đồng tín dụng số 1207-LAV-201800259, khế ước nhận nợ số 1207LDS 201800331 ngày 29/3/2018 và Hợp đồng tín dụng kiêm thế ước nhận nợ số 1207 -LDS- 201700163 ngày 01/3/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà anh T và chị N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trong trường hợp anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần X có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp số 59/2017/E - BMT/HĐTC ngày 28/02/2017, số công chứng 519, quyền số 01TP/CC-SCC/HĐGD; đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai Đ, số 923 ngày 28/02/2017.

Tài sản bảo đảm khoản vay trên là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 978041 do UBND Huyện Đ cấp ngày 23/3/2016, tại thửa đất số 06; tờ bản đồ số 31, diện tích 16.065,3 m², đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại thôn 10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ để Ngân hàng thu hết nợ, thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các nguồn thu, tài sản cá nhân hợp pháp khác của anh T và chị N để thu hồi nợ theo quy định.

2. Về chi phí tố tụng khác: Căn cứ khoản 1 Điều 157 BLTTDS: Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N phải chịu 3.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Anh T và chị N phải nộp lại để hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) mà Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tại Tòa án.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị N phải nộp 25.562.173 đồng (*Hai mươi lăm triệu, năm trăm sáu mươi hai nghìn, một trăm bảy mươi ba đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X số tiền 10.410.000 đồng (*Mười triệu, bốn trăm mười nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002079 ngày 03/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Đường sự;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà